

An Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2022

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 04/GPXD

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần gạo Hạnh Phúc – ông Lê Quang Trung (Giám đốc) làm đại diện.

Địa chỉ: ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hạnh Phúc.

– Theo thiết kế có ký hiệu: 09/2022.

– Do: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng (Cideco) lập (số 130 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh).

– Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế:

+ Kiến trúc: KTS. Phan Thanh Hùng (CCHN số HCM-00000251).

+ Kết cấu: KS. Bạch Ngọc Hoàng (CCHN số: BXD-00004345).

+ Hệ thống Điện: KS. Nguyễn Xuân Nam (CCHN số: BXD-00138992).

+ Hệ thống cấp, thoát nước: KS. Phan Nhật Khánh Trình (CCHN số: BXD-00139002).

+ Hệ thống giao thông nội bộ - hạ tầng: KS. Đào Quốc Phóng (CCHN số: BXD-00004356).

– Đơn vị thẩm tra, thẩm định: Công ty cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (Coninco) tại Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công số 2409-4-1/2019/HĐKT/CONINCO-T.MT ngày 03/5/2022; Văn bản số 454/SXD-KT&QLXD ngày 22/02/2022 về việc thông báo kết quả thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Hạnh Phúc, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

– Chủ trì thẩm tra thiết kế: CC năng lực HĐXD số BXD-00000114.

+ Kiến trúc: KTS. Đỗ Như Đức (CCHN số: HAD-04).

+ Kết cấu: KS. Lê Nguyên Giáp (CCHN số: BXD-00000668).

+ Hệ thống Điện: KS. Trần Văn Diệu (CCHN số: BXD-00000681).

+ Hệ thống cấp, thoát nước: KS. Đào Thị Kim Dung (CCHN số: BXD-00001695).

+ Hệ thống giao thông nội bộ - hạ tầng: KS. Lê Duy Tùng (CCHN số: NAD-00027137).

– Loại công trình: công trình dân dụng - công trình công nghiệp nhẹ - Cấp II.



- Vị trí xây dựng: thửa đất số 3, tờ bản đồ số 13; xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.
- Định vị công trình: Theo bản vẽ mặt bằng tổng thể công trình được Sở Xây dựng duyệt có ký hiệu 09/2022.
- Tổng diện tích khu đất : 161.969,5m².
- Tổng diện tích xây dựng : 79.262,06m²; Mật độ xây dựng: 48,94%.
- Tổng số công trình : 21 công trình.

2.1. Nhà kho - Xay sát gạo (RWH):

- Cốt ±0,000 nền xây dựng công trình: +0,2m so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 26.400m².
- Chiều cao công trình : +25,60m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.2. Nhà kho trấu, cám, trấu ép viên (HBS):

- Cốt ±0,000 nền xây dựng công trình: +0,2m so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 12.936m².
- Chiều cao công trình : +21,20m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.3. Nhà chứa rác (BH):

- Cốt ±0,000 nền xây dựng công trình: +0,2m so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 16m².
- Chiều cao công trình : +3,60m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.4. Lò sấy 1 (DBS1) và Lò sấy 2 (DBS2): gồm 02 lò sấy Silo và 28 Silo đệm có khả năng chứa 1000 tấn/silo

- Cốt ±0,000 nền xây dựng công trình: +3,8m so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 1.194,5m² x 2 = 2.389m².
- Chiều cao công trình : +30,10m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.5. Nhà bơm cứu hỏa (FS):

- Cốt ±0,000 nền xây dựng công trình: +0,2m so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 30m².
- Chiều cao công trình : +4,15m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.6. Trạm điều khiển A, C, E, G - MCC (04 trạm x 48m²):

- Cốt ±0,000 nền xây dựng công trình: +0,2m so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 48m² x 4 = 192m².
- Chiều cao công trình : +3,70m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.7. Phòng điều khiển thiết bị B và F (MCR.B & MCR.F):

- Cốt ±0,000 nền xây dựng công trình: +0,35m so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : (B) 66,6m² + (F) 84,6m² = 151,2m².
- Chiều cao công trình : +3,70m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.8. Silo chứa (tháp chứa lúa gạo) - SS: số lượng 80 silo

- Cốt ±0,000 nền xây dựng công trình: +2,1m so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng 80 silo : 394,7m² x 80 silo = 31.576m².
- Chiều cao công trình : +22,70m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.9. Nhà lò hơi (SBH):

- Cốt ±0,000 nền xây dựng công trình: +0,2m so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 2.640m².
- Chiều cao công trình : +25,0m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.10. Trạm biến thế 1 (TS1):

- Cốt ±0,000 nền xây dựng công trình: +1,0m so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 212,16m².
- Chiều cao công trình : +3,55m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.11. Trạm biến thế 2 và nhà phát điện (TS2):

- Cốt ±0,000 nền xây dựng công trình: +1,0m so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 356,3m².
- Chiều cao công trình : +3,55m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.12. Trạm bơm nước sinh hoạt + bể nước ngầm (WS): dung tích 300m³.

- Cốt ±0,000 nền xây dựng công trình: +0,2m so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 108,4m².
- Chiều sâu bể ngầm : -4,05m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Chiều cao công trình : +3,55m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.13. Khu xử lý nước thải (WWT):

- Cốt ±0,000 nền xây dựng công trình: +0,15m so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 63,9m².
- Chiều cao công trình : +3,40m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.14. Nhà bảo vệ (GH):

H.C
SỞ
/ DƯ
AN G

- Cốt $\pm 0,000$ nền xây dựng công trình: $+0,3\text{m}$ so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 60m^2 .
- Chiều cao công trình : $+3,60\text{m}$ (tính từ cốt $\pm 0,00$ nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.15. Nhà văn phòng chính (MOB):

- Cốt $\pm 0,000$ nền xây dựng công trình: $+1,0\text{m}$ so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng tầng 1 : $512,3\text{m}^2$.
- Diện tích sàn xây dựng : $1.024,6\text{m}^2$.
- Chiều cao tầng 1 : $+4,50\text{m}$ (tính từ cốt $\pm 0,00$ nền xây dựng).
- Chiều cao công trình : $+9,50\text{m}$ (tính từ cốt $\pm 0,00$ nền xây dựng).
- Số tầng : 02 tầng (01 trệt + 01 lầu).

2.16. Nhà ăn (CB):

- Cốt $\pm 0,000$ nền xây dựng công trình: $+1,0\text{m}$ so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : $293,1\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình : $+5,88\text{m}$ (tính từ cốt $\pm 0,00$ nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.17. Nhà nghỉ nhân viên (DB):

- Cốt $\pm 0,000$ nền xây dựng công trình: $+1,0\text{m}$ so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng tầng 1 : $797,7\text{m}^2$.
- Diện tích sàn xây dựng : $1.595,4\text{m}^2$.
- Chiều cao tầng 1 : $+3,60\text{m}$ (tính từ cốt $\pm 0,00$ nền xây dựng).
- Chiều cao công trình : $+8,20\text{m}$ (tính từ cốt $\pm 0,00$ nền xây dựng).
- Số tầng : 02 tầng (01 trệt + 01 lầu).

2.18. Nhà vệ sinh công nhân 1 (WC1):

- Cốt $\pm 0,000$ nền xây dựng công trình: $+0,5\text{m}$ so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 56m^2 .
- Chiều cao công trình : $+3,7\text{m}$ (tính từ cốt $\pm 0,00$ nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.19. Nhà vệ sinh công nhân 2 (WC2):

- Cốt $\pm 0,000$ nền xây dựng công trình: $+0,45\text{m}$ so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 40m^2 .
- Chiều cao công trình : $+3,7\text{m}$ (tính từ cốt $\pm 0,00$ nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.20. Nhà để xe nhân viên (PF):

- Cốt $\pm 0,000$ nền xây dựng công trình: $+0,05\text{m}$ so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : 288m^2 .
- Chiều cao công trình : $+3,25\text{m}$ (tính từ cốt $\pm 0,00$ nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

2.21. Nhà để xe công nhân 1 (PW1) và 2 (PW2):

- Cốt ±0,000 nền xây dựng công trình: +0,05m so với mặt đường dự án.
- Diện tích xây dựng : (PW1) 108m² + (PW2) 36m² = 144m².
- Chiều cao công trình : +2,7m (tính từ cốt ±0,00 nền xây dựng).
- Số tầng : 01 tầng.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT18210 ngày 21/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./

Nơi nhận:

- Cty CP gạo Hạnh Phúc;
- Lưu: VT, QH, Vũ (2).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quốc Cường

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép./

